



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021)
Ông Võ Quốc Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên
Bà Trần Thị Thủy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

7123-0
ÔNG T
TNHH
OÁN Q
II NH
ÀI G
Y-TR

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 2 tháng 3 năm 2022

Số: 1358/2022/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 2 tháng 3 năm 2022, từ trang 4 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 8 tháng 3 năm 2021.



Lương Giảng Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2018-072-1



Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2767-2019-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		370.557.462.116	634.902.994.649
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25.231.261.916	16.851.512.009
1. Tiền	111	V.1	25.231.261.916	16.851.512.009
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		278.844.000.000	561.667.893.764
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	278.844.000.000	561.667.893.764
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.514.489.337	38.617.064.327
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	28.938.000.131	8.199.493.478
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.330.047.300	4.609.749.456
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	29.438.718.187	27.015.200.324
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.192.276.281)	(1.255.341.957)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	47.963.026
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	8.967.710.863	17.637.229.791
1. Hàng tồn kho	141		10.377.310.508	18.883.968.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.409.599.645)	(1.246.739.190)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	129.294.758
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	129.294.758

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.090.329.697.386	880.169.878.497
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		228.036.580	728.036.580
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	228.036.580	728.036.580
II. Tài sản cố định	220		780.761.085.616	838.765.959.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	779.236.069.422	837.204.934.348
- Nguyên giá	222		1.481.084.102.813	1.476.281.306.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(701.848.033.391)	(639.076.372.060)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.525.016.194	1.561.025.548
- Nguyên giá	228		2.003.591.000	2.244.417.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(478.574.806)	(683.392.294)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.952.760.520	2.563.393.065
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	7.952.760.520	2.563.393.065
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	276.125.252.238	14.625.252.238
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.125.252.238	11.125.252.238
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		265.000.000.000	3.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		25.262.562.432	23.487.236.718
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	17.826.641.383	23.487.236.718
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	7.435.921.049	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.460.887.159.502	1.515.072.873.146

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		289.844.112.386	321.689.810.730
I. Nợ ngắn hạn	310		59.069.135.673	67.267.077.245
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	12.818.767.448	14.362.553.841
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.207.665.636	639.836.979
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.829.608.622	4.558.975.852
4. Phải trả người lao động	314		9.709.869.871	12.613.913.907
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.949.634.444	3.054.479.986
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.371.417.072	1.377.678.277
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	22.793.678.241	22.793.678.242
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	4.388.494.339	7.865.960.161
II. Nợ dài hạn	330		230.774.976.713	254.422.733.485
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	490.687.935	513.152.274
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	229.862.378.815	253.109.750.298
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		421.909.963	799.830.913
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.171.043.047.116	1.193.383.062.416
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	875.708.359.169	874.102.467.093
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000	788.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000	788.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705	28.512.122.705
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.200.937.430	543.607.360
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.206.383.925	7.066.214.231
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.458.390.737	38.649.998.425
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		34.458.390.737	38.649.998.425
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372	11.330.524.372
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		295.334.687.947	319.280.595.323
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.21	295.334.687.947	319.280.595.323
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.460.887.159.502	1.515.072.873.146

Trần Thị Tuyết Ngọc
 Người lập biểu

Bùi Hoàng Trường Vĩ
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Cường
 Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 2 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	233.902.460.940	251.220.784.397
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		233.902.460.940	251.220.784.397
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	196.493.363.089	204.184.981.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37.409.097.851	47.035.802.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	41.346.042.816	43.233.715.438
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.651.101.221	18.018.623.769
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.651.101.221	18.018.623.769
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.199.156.890	5.466.010.669
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.628.591.222	15.369.360.695
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		44.276.291.334	51.415.522.710
11. Thu nhập khác	31	VI.7	337.612.530	3.606.532.485
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.385.836.820	5.479.208.710
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(1.048.224.290)	(1.872.676.225)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		43.228.067.044	49.542.846.485
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	8.769.676.307	10.892.848.060
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		34.458.390.737	38.649.998.425
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	332	332



Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 2 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2021	2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	254.120.889.154	273.667.777.441
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(114.566.621.856)	(126.600.575.799)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(45.728.732.320)	(46.440.662.840)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(16.790.663.453)	(18.215.313.404)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(9.805.745.544)	(9.088.801.101)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.441.190.830	398.078.117
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(45.738.122.315)	(39.217.174.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.932.194.496	34.503.328.279
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.687.896.962)	(14.158.580.255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.023.672.964
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(562.344.000.000)	(301.828.616.438)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	562.233.353.993	295.171.397.285
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.438.343.928	25.657.961.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.639.800.959	7.865.835.267
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.793.698.628)	(22.793.678.226)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.398.546.920)	(19.040.192.876)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.192.245.548)	(41.833.871.102)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	8.379.749.907	535.292.444
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.851.512.009	16.316.219.565
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	25.231.261.916	16.851.512.009



Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 2 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (doanh nghiệp 100 % vốn Nhà nước), được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và được cập nhật thay đổi vào ngày 7 tháng 5 năm 2021 do đăng ký bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại sàn chứng khoán Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 363 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 373 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Huoai	Thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lũng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Tỉnh Lâm Đồng	37,01%	37,01%	Khai thác, kinh doanh nước sạch
2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Tỉnh Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Hệ thống đường ống nhánh

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 297 đồng/m³ ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước** (tiếp theo)Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa

Phân chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ kế toán tại thời điểm cổ phần hóa được hạch toán như một khoản lợi thế kinh doanh của Công ty, được ghi nhận là tài sản dài hạn và phân bổ dần trong vòng 3 năm.

Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Thông tin bộ phận

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	146.348.534	69.771.824
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.084.913.382	16.781.740.185
Cộng	25.231.261.916	16.851.512.009

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (i)	22.000.000.000	-
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt	1.719.872.407	1.774.726.599
Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng (ii)	3.628.863.931	5.340.719.021
Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	477.446.691	477.446.691
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.111.817.102	606.601.167
Cộng	28.938.000.131	8.199.493.478

(i) Đây là khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng 220 trái phiếu DCTCH2124001 với mệnh giá 100 triệu đồng do Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam phát hành ngày 28 tháng 6 năm 2021.

(ii) Đây là khoản phải thu về phí quản lý và vận hành nhà máy xử lý nước thải theo hợp đồng đã ký với Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng. Công ty đã thực hiện phân loại lại số dư đầu kỳ từ Khoản mục "Nguồn kinh phí" (mã số 431) sang Khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" (mã số 131) để phản ánh phù hợp bản chất của hợp đồng (xem thêm *Thuyết minh VII.2*).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Kỹ thuật U.S	3.906.852.300	3.906.852.300
Các nhà cung cấp khác	423.195.000	702.897.156
Cộng	4.330.047.300	4.609.749.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về lãi tiền gửi	22.177.861.068	23.991.941.065
Khoản phải thu Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	3.688.211.187	-
Khoản phải thu Nhà nước về dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt (ii)	1.587.664.778	1.587.664.778
Thù lao Hội đồng Quản trị chờ quyết toán	1.116.100.000	530.000.000
Các khoản phải thu khác	868.881.154	905.594.481
	29.438.718.187	27.015.200.324
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	228.036.580	728.036.580
	29.666.754.767	27.743.236.904

(i) Đây là khoản chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này.

(ii) Đây là khoản phải thu Nhà nước để thanh toán cho các gói thầu xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 10 tháng 11 năm 2021, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án. Đến thời điểm cuối năm, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để đề nghị Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng bố trí nguồn vốn đối ứng để thanh toán cho các nhà thầu còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.337.065.094	-	(1.337.065.094)	1.092.073.232	3.731.275	(1.088.341.957)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	167.000.000	-	(167.000.000)	167.000.000	-	(167.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	3.688.211.187	-	(3.688.211.187)	-	-	-
Cộng	5.192.276.281	-	(5.192.276.281)	1.259.073.232	3.731.275	(1.255.341.957)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Phải thu ngắn hạn của khách hàng VND	Trả trước cho người bán ngắn hạn VND	Phải thu ngắn hạn khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	1.088.341.957	167.000.000	-	1.255.341.957
Trích lập dự phòng trong năm	312.551.336	-	-	312.551.336
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(63.828.199)	-	-	(63.828.199)
Điều chỉnh khác	-	-	3.688.211.187	3.688.211.187
Tại ngày 31/12/2021	1.337.065.094	167.000.000	3.688.211.187	5.192.276.281



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	9.398.529.685	(1.409.599.645)	17.050.722.077	(720.540.690)
Công cụ, dụng cụ	840.016.070	-	1.833.246.904	(526.198.500)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	138.764.753	-	-	-
Cộng	10.377.310.508	(1.409.599.645)	18.883.968.981	(1.246.739.190)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số đầu năm	1.246.739.190	1.306.926.790
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	163.809.156	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(948.701)	(60.187.600)
Số cuối năm	1.409.599.645	1.246.739.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	466.700.782.359	83.981.182.346	770.109.867.729	112.032.628.399	43.456.845.575	1.476.281.306.408
Mua trong năm	-	1.725.332.963	4.846.608.212	32.600.000	-	6.604.541.175
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.194.718.008	-	758.865.239	-	-	3.953.583.247
Giảm khác	(3.624.068.293)	(985.443.088)	(842.364.312)	(303.452.324)	-	(5.755.328.017)
Tại ngày 31/12/2021	466.271.432.074	84.721.072.221	774.872.976.868	111.761.776.075	43.456.845.575	1.481.084.102.813
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2021	226.319.056.369	33.586.235.053	326.103.601.000	41.737.810.432	11.329.669.206	639.076.372.060
Khấu hao trong năm	18.926.894.126	5.215.830.049	26.422.716.985	10.494.547.765	1.737.883.356	62.797.872.281
Giảm khác	(1.756.271)	(24.454.679)	-	-	-	(26.210.950)
Tại ngày 31/12/2021	245.244.194.224	38.777.610.423	352.526.317.985	52.232.358.197	13.067.552.562	701.848.033.391
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	240.381.725.990	50.394.947.293	444.006.266.729	70.294.817.967	32.127.176.369	837.204.934.348
Tại ngày 31/12/2021	221.027.237.850	45.943.461.798	422.346.658.883	59.529.417.878	30.389.293.013	779.236.069.422

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 49.353.727.214 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 37.962.893.230 đồng).

Công ty đã sử dụng các tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 314.327.595.584 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 331.268.216.996 đồng) để bảo đảm cho các khoản vay theo hiệp định với Bộ Tài chính (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số V.18).

Tài sản cố định hữu hình bao gồm giá trị tài sản của Xí nghiệp quản lý nước thải được hình thành từ nguồn vốn ngân sách Nhà Nước với nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 lần lượt là 503.167.931.881 đồng và 295.334.687.947 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 lần lượt là 504.386.803.244 đồng và 319.280.595.323 đồng). Chi phí khấu hao của những tài sản này được ghi giảm nguồn kinh phí đã hình thành tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	737.591.000	1.506.826.842	2.244.417.842
Mua trong năm	-	100.000.000	100.000.000
Thanh lý trong năm	-	(340.826.842)	(340.826.842)
Tại ngày 31/12/2021	737.591.000	1.266.000.000	2.003.591.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	165.070.111	518.322.183	683.392.294
Khấu hao trong năm	14.751.820	121.257.534	136.009.354
Thanh lý trong năm	-	(340.826.842)	(340.826.842)
Tại ngày 31/12/2021	179.821.931	298.752.875	478.574.806
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	572.520.889	988.504.659	1.561.025.548
Tại ngày 31/12/2021	557.769.069	967.247.125	1.525.016.194

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt (i)	5.445.587.900	504.445.513
Các dự án khác	2.507.172.620	2.058.947.552
Cộng	7.952.760.520	2.563.393.065

(i) Đây là dự án đầu tư xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt với tổng mức đầu tư dự kiến là 14,94 tỷ đồng. Mục đích của dự án để sản xuất, cung cấp nước sinh hoạt phục vụ người dân trên địa bàn xã với tổng công suất cấp nước 2.000m³/ ngày đêm. Dự án đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt đầu tư tại Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	278.844.000.000	278.844.000.000	561.667.893.764	561.667.893.764
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	265.000.000.000	265.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng cộng	543.844.000.000	543.844.000.000	565.167.893.764	565.167.893.764

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Hiện nay, toàn bộ số tiền này đang được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và việc này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Các khoản tiền gửi hiện đang hưởng mức lãi suất trong năm dao động từ 6,30% đến 7,15%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2021				01/01/2021			
	Cổ phiếu nắm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Cổ phiếu nắm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	554.365	5.658.526.204	-	(i)	554.365	5.658.526.204	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350	5.466.726.034	-	(i)	433.350	5.466.726.034	-	(i)
Cộng		11.125.252.238	-	(i)		11.125.252.238	-	(i)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh bao gồm 28.628 cổ phiếu nhận được do Công ty liên kết này chia cổ tức trong năm 2020, tương đương với tổng mệnh giá 286.280.000 đồng. Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, Công ty không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu tài chính khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	12.336.220.153	14.235.300.860
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.242.857.893	3.813.689.437
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	2.247.563.337	5.233.954.073
Lợi thế thương mại khi cổ phần hóa	-	204.292.348
Cộng	17.826.641.383	23.487.236.718

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã phân bổ chi phí sản xuất kinh doanh được 3,5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	7.435.921.049	-	-	-

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	9.818.676.899	9.818.676.899	7.661.436.732	7.661.436.732
Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng và Công ty Cổ phần Thủy lợi 1 Nghệ An	305.306.956	305.306.956	3.890.220.726	3.890.220.726
Các nhà cung cấp khác	2.694.783.593	2.694.783.593	2.810.896.383	2.810.896.383
Cộng	12.818.767.448	12.818.767.448	14.362.553.841	14.362.553.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	248.558.158	283.631.002
Các khách hàng khác	959.107.478	356.205.977
Cộng	1.207.665.636	639.836.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	129.294.758	605.670.950	476.376.192	-
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	189.788.535	6.479.966.670	6.360.531.156	309.224.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.880.705.544	8.769.676.307	9.805.745.544	1.844.636.307
Thuế thu nhập cá nhân	-	373.037.876	-	373.037.876
Phí bảo vệ môi trường	1.402.108.952	15.986.889.496	16.165.339.807	1.223.658.641
Thuế tài nguyên	86.372.821	931.810.363	943.857.655	74.325.529
Tiền thuê đất	-	455.165.841	455.165.841	-
Các khoản phải nộp khác	-	19.726.220	15.000.000	4.726.220
Cộng	4.558.975.852	33.016.272.773	33.745.640.003	3.829.608.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.963.602.023	2.103.164.255
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường	985.032.421	892.212.731
Các khoản chi phí phải trả khác	1.000.000	59.103.000
Cộng	2.949.634.444	3.054.479.986

17. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về cổ phần hóa	817.283.299	817.283.299
Cổ tức phải trả	-	68.146.920
Các khoản phải trả khác	554.133.773	492.248.058
	1.371.417.072	1.377.678.277
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	490.687.935	513.152.274
Tổng cộng phải trả khác	1.862.105.007	1.890.830.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	22.793.678.241	22.793.678.241			22.793.678.242	22.793.678.242
b. Dài hạn						
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	201.980.138.712	201.980.138.712	-	17.285.371.484	219.265.510.196	219.265.510.196
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	50.675.918.344	50.675.918.344	-	5.962.000.000	56.637.918.344	56.637.918.344
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.241)	(22.793.678.241)			(22.793.678.242)	(22.793.678.242)
	229.862.378.815	229.862.378.815			253.109.750.298	253.109.750.298
Tổng cộng khoản vay	252.656.057.056	252.656.057.056	-	23.247.371.484	275.903.428.540	275.903.428.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn***(i) Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bể chứa (Mộng Mơ, Thái Phiên, Resimair, Măng Lin, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyên tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nối hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt.

(ii) Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đambri, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lũng, huyện Đam Rông trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137,96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Mađaguôi, Đambri, Đ'ran, Bằng Lũng) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	22.793.678.241	22.793.678.242
Trong năm thứ hai	22.793.678.241	22.793.678.241
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	138.687.665.851	161.935.037.334
	252.656.057.056	275.903.428.540
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	<u>(22.793.678.241)</u>	<u>(22.793.678.242)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>229.862.378.815</u>	<u>253.109.750.298</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	7.865.960.161	-
Trích lập quỹ trong năm	11.605.598.677	10.594.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(15.083.064.499)	(2.728.039.839)
Số dư cuối năm	4.388.494.339	7.865.960.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	788.000.000.000	28.512.122.705	543.607.360	1.769.214.231	34.999.339.794	11.330.524.372	865.154.808.462
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	38.649.998.425	-	38.649.998.425
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.108.339.794)	-	(19.108.339.794)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.594.000.000)	-	(10.594.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.297.000.000	(5.297.000.000)	-	-
Tại ngày 31/12/2020	788.000.000.000	28.512.122.705	543.607.360	7.066.214.231	38.649.998.425	11.330.524.372	874.102.467.093
Tại ngày 01/01/2021	788.000.000.000	28.512.122.705	543.607.360	7.066.214.231	38.649.998.425	11.330.524.372	874.102.467.093
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.458.390.737	-	34.458.390.737
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.330.400.000)	-	(20.330.400.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.605.598.677)	-	(11.605.598.677)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.797.499.764	(5.797.499.764)	-	-
Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(916.499.984)	-	(916.499.984)
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	657.330.070	(657.330.070)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	788.000.000.000	28.512.122.705	1.200.937.430	12.206.383.925	34.458.390.737	11.330.524.372	875.708.359.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2021 và 01/01/2021		
	Số lượng	Tỷ lệ	Giá trị
	Cổ phần	(%)	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%	315.129.240.000
Bà Trương Thị Mỹ An	13.975.893	17,74%	139.758.930.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%	125.026.010.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	10.735.182	13,62%	107.351.820.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	90.000.000.000
Các cổ đông khác	1.073.400	1,36%	10.734.000.000
Cộng	78.800.000	100,00%	788.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d) Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021, cổ tức năm 2020 đã được phê duyệt với tỷ lệ là 2,58%, tương ứng 258 đồng/cổ phiếu đang lưu hành.

Cổ tức năm 2021 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ là 2,77%, tương ứng 277 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

21. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.7, toàn bộ nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định là nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản cố định tại Xí nghiệp quản lý nước thải với nguyên giá là 503.167.931.881 đồng, chi tiết biến động trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Giá trị còn lại đầu năm	319.280.595.323	342.082.651.695
Khấu hao trong năm	(22.735.988.548)	(22.802.056.372)
Điều chỉnh khác	(1.209.918.828)	-
Giá trị còn lại cuối năm	295.334.687.947	319.280.595.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.671,91 m².

Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021 Ngoại tệ	01/01/2021 Ngoại tệ
Tiền Đôla Mỹ (USD)	67,5	67,5

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các khoản phải thu khác	13.578.000	13.578.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	208.323.443.444	220.469.227.351
Doanh thu xử lý nước thải	14.466.588.000	16.324.568.127
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	9.079.964.354	13.716.541.090
Doanh thu khác	2.032.465.142	710.447.829
Cộng	233.902.460.940	251.220.784.397

2. Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	175.511.810.412	181.124.821.390
Giá vốn xử lý nước thải	12.172.536.018	12.880.893.394
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	7.314.448.451	9.836.637.199
Giá vốn khác	1.331.707.753	402.817.609
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	162.860.455	(60.187.600)
Cộng	196.493.363.089	204.184.981.992

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	40.189.724.160	43.233.715.438
Cổ tức được chia	1.156.318.656	-
Cộng	41.346.042.816	43.233.715.438

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	780.030.000	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	376.288.656	-
Cộng	1.156.318.656	-

4. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	16.651.101.221	18.018.623.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí duy trì đầu nổi	5.149.422.344	5.401.265.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	49.734.546	64.745.454
Cộng	5.199.156.890	5.466.010.669

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.810.064.039	4.745.672.574
Chi phí đồ dùng văn phòng	893.481.826	1.384.819.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	272.517.067	257.150.757
Thuế, phí và lệ phí	289.083.409	15.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	248.723.137	170.731.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	6.114.721.744	8.795.986.318
Cộng	12.628.591.222	15.369.360.695

7. Thu nhập khác

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.460.902.952
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	-	878.893.157
Thu nhập khác từ xử lý kiểm kê	182.582	730.787.187
Các khoản thu nhập khác	337.429.948	535.949.189
Cộng	337.612.530	3.606.532.485

8. Chi phí khác

	2021 VND	2020 VND
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.107.714.758	-
Chi phí Ban quản lý dự án không có khả năng thu hồi	-	3.688.211.187
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường	-	892.212.731
Các khoản chi phí khác	278.122.062	898.784.792
Cộng	1.385.836.820	5.479.208.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.228.067.044	49.542.846.485
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	1.610.575.617	4.921.393.814
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.534.239.606)	-
Thu nhập chịu thuế	43.304.403.055	54.464.240.299
Thu nhập tính thuế	43.304.403.055	54.464.240.299
Hoàn nhập quỹ khoa học và công nghệ	377.920.950	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.736.464.801	10.892.848.060
Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh năm trước	33.211.506	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.769.676.307	10.892.848.060

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.361.084.857	83.687.298.960
Chi phí nhân công	56.041.662.633	58.397.784.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.072.918.915	40.183.390.910
Chi phí duy trì đầu nổi	5.149.422.344	5.401.265.215
Chi phí dự phòng	411.583.592	170.731.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	30.284.438.860	37.240.069.698
Cộng	214.321.111.201	225.080.540.956

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021 VND	2020 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.458.390.737	38.649.998.425
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	(8.259.383.849)	(12.522.098.661)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.199.006.888	26.127.899.764
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	78.800.000	78.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	332	332

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm nay cũng đã được điều chỉnh giảm để phản ánh khoản tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến. Mức trích lập sẽ được thông qua tại kỳ Đại hội Cổ đông thường niên tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Danh sách và nghiệp vụ với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng

Công ty liên kết

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp này, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh		
Cổ tức được chia	376.288.656	-
Cổ tức đã nhận	376.288.656	-
Chi phí thổi rửa giếng khoan	89.023.636	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng		
Cổ tức được chia	780.030.000	-
Cổ tức đã nhận	780.030.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ tên	Chức vụ	2021 VND	2020 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	575.979.553	196.670.318
	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Hùng Cường	kiêm Tổng Giám đốc	1.302.491.045	734.142.909
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên	257.362.131	116.661.045
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên	257.362.131	116.661.045
	Thành viên HĐQT kiêm		
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	859.516.743	637.895.332
		3.252.711.603	1.802.030.649
Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	433.640.848	357.421.045
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên	156.228.138	78.571.669
Bà Trần Thị Thủy	Thành viên	138.253.914	31.785.834
		728.122.900	467.778.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Chi tiết các khoản mục phân loại lại trên báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

Bảng cân đối kế toán tổng hợp

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2020	Phân loại lại VND	01/01/2021
		Số đã báo cáo VND		Số trình bày lại VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	629.562.275.628	5.340.719.021	634.902.994.649
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	33.276.345.306	5.340.719.021	38.617.064.327
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.858.774.457	5.340.719.021	8.199.493.478
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.509.732.154.125	5.340.719.021	1.515.072.873.146
NỢ PHẢI TRẢ	300	321.686.527.210	3.283.520	321.689.810.730
Nợ ngắn hạn	310	67.263.793.725	3.283.520	67.267.077.245
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.374.394.757	3.283.520	1.377.678.277
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	313.943.159.822	5.337.435.501	319.280.595.323
Nguồn kinh phí	431	(5.337.435.501)	5.337.435.501	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.509.732.154.125	5.340.719.021	1.515.072.873.146


3. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. Thông tin khác

Đại dịch covid-19 đã và đang ngày càng diễn biến phức tạp, gây ra những biến động to lớn, ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của dịch bệnh, đánh giá ảnh hưởng, xem xét các khoản dự phòng, tổn thất tài sản và công nợ tiềm tàng trên nguyên tắc thận trọng. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin đáng tin cậy nhất có được đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.


Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu


Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 2 tháng 3 năm 2022

Văn phòng **CÔNG TY**

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

☎ (024) 6664 3777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh **SÀI GÒN**

Tầng 4, Tòa nhà Hải Âu TIC
39B Trường Sơn, Phường 4
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

☎ (028) 3547 2323

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh **MIỀN TRUNG**

Tầng 9, Tòa nhà Viettel
Đại lộ Lê Lợi, Phường Đông Hưng
TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

☎ (0237) 375 8959

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh **NGHỆ AN**

Tầng 2, Tòa nhà Nhà Việt
Số 8 Đường V.I Lê Nin, Phường Hà Huy Tập
TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

☎ (0238) 268 2888

☎ (0238) 268 2888

✉ nghean@icpa.vn

HEAD Office

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung Ward
Thanh Xuan District, Ha Noi

☎ (+84 24) 6664 2777

☎ (+84 24) 6664 3777

✉ contact@icpa.vn

SAI GON Branch

4th Floor, Hai Au TIC Building
39B Truong Son, Ward 4
Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ (+84 28) 7303 2007

☎ (+84 28) 3547 2323

✉ saigon@icpa.vn

CENTRAL Branch

9th Floor, Viettel Building
Le Loi Boulevard, Dong Huong Ward
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province

☎ (+84 237) 375 8959

☎ (+84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

NGHE AN Branch

2nd Floor, Nha Viet Building
8 V.I Lenin Street, Ha Huy Tap Ward
Vinh City, Nghe An Province

☎ (+84 238) 268 2888

☎ (+84 238) 268 2888

✉ nghean@icpa.vn

icpa.vn

iCPA

since 2001